

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Đường Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		5,621,843,067,046	4,542,069,523,864
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	244,744,416,848	439,713,406,426
1. Tiền	111		244,744,416,848	439,713,406,426
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2,625,366,296,444	1,907,957,288,821
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2,634,134,932,269	1,908,680,163,821
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(8,768,635,825)	(722,875,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		784,529,483,071	629,986,238,536
1. Phải thu khách hàng	131		637,777,065,066	540,424,808,508
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	599,290,053,142	501,928,844,083
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	38,487,011,924	38,495,964,425
2. Trả trước cho người bán	132		23,819,496,986	24,310,162,708
3. Các khoản phải thu khác	135	9	166,060,606,795	107,434,364,958
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(43,127,685,776)	(42,183,097,638)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý				-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		207,288,544,195	161,275,776,752
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	204,655,566,457	156,037,821,188
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		173,603,908,544	135,359,445,321
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		31,051,657,913	20,678,375,867
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,485,150,103	5,237,955,564
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		147,827,635	-
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	12	1,759,914,326,488	1,403,136,813,329
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		1,294,787,976,455	786,221,895,024
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		465,126,350,033	616,914,918,305
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		1,067,714,405,316	1,310,911,941,342
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		26,163,439,630	25,406,326,984
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	26,163,439,630	25,406,326,984
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		19,163,439,630	18,406,326,984
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		10,124,846,567	8,223,816,600
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	5,137,628,126	4,183,043,880
Nguyên giá	222		15,953,898,206	14,398,270,057
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10,816,270,080)	(10,215,226,177)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	661,808,440	1,131,996,720
Nguyên giá	228		7,171,964,959	7,171,964,959
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6,510,156,519)	(6,039,968,239)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		4,325,410,001	2,908,776,000
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	969,700,586,438	1,201,490,729,237
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		969,700,586,438	1,201,490,729,237
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		61,725,532,681	75,791,068,521
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	61,725,532,681	75,791,068,521
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6,689,557,472,362	5,852,981,465,206

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		5,539,045,936,782	4,712,010,223,602
I. Nợ ngắn hạn	310		5,520,498,862,027	4,691,946,968,667
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	15	200,000,000,000	289,000,000,000
2. Phải trả cho người bán	312		932,905,287,969	581,815,868,320
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	16	929,282,607,222	570,707,885,613
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		3,622,680,747	11,107,982,707
3. Người mua trả tiền trước	313		71,414,547,912	121,692,297,639
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	51,294,083,447	75,002,102,485
5. Phải trả người lao động	315		119,936,640,050	129,227,185,502
6. Chi phí phải trả	316		3,085,133,381	2,176,503,881
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		26,130,739,483	22,366,653,845
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	18	173,334,994,158	110,358,211,214
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		594,042,352	602,912,158
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	19	3,941,803,393,275	3,359,705,233,623
10.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		2,930,768,412,444	2,198,618,231,805
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		889,151,342,350	1,053,447,628,929
10.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		121,883,638,481	107,639,372,889
II. Nợ dài hạn	330		18,547,074,755	20,063,254,935
1. Phải trả dài hạn khác	333		101,000,000	1,000,000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		18,446,074,755	20,062,254,935
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1,150,511,535,580	1,140,971,241,604
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1,150,511,535,580	1,140,971,241,604
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		18,038,545,371	17,561,530,672
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		132,472,990,209	123,409,710,932
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		6,689,557,472,362	5,852,981,465,206


 Nguyễn Thị Huyền Trang
 Người lập biểu


 Nguyễn Hoàng Mai
 Kế toán trưởng


 Nghiêm Xuân Thái
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 2 năm 2026	Quý 2 năm 2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2026	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	945,930,940,975	626,762,994,170	1,833,817,031,743	1,240,878,496,290
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	-	-	-	-
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	68,579,387,832	41,915,655,749	127,712,264,578	84,141,856,409
3. Thu nhập khác	13	361,295,157	470,069,758	578,270,328	665,686,457
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	843,473,293,414	541,878,531,654	1,635,294,169,355	1,110,145,699,091
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	-	-	-	-
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	4,075,329,536	14,751,684,310	19,327,577,690	17,809,877,883
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	151,118,855,109	91,472,409,407	280,073,188,494	165,404,137,206
7. Chi phí khác	24	6,337,114,019	654,380,631	6,429,181,534	730,992,416
8. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	9,867,031,886	20,391,713,675	20,983,449,576	31,595,332,560
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	9,002,935,364	3,941,723,271	11,443,155,600	6,308,634,834
10. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
11. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	864,096,522	16,449,990,404	9,540,293,976	25,286,697,726

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomín, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2026	Quý 2 năm 2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2026	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	21	1,190,875,230,163	782,838,948,290	2,311,624,417,578	1,500,787,110,433
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		1,543,233,266,918	866,733,663,490	3,018,223,997,902	1,617,937,088,417
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		17,998,698,637	16,609,252,972	25,550,600,315	35,000,054,431
- Tăng/(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		370,356,735,392	100,503,968,172	732,150,180,639	152,150,032,415
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02		553,773,446,517	262,934,634,327	1,094,827,392,389	502,802,211,839
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		801,438,225,215	343,587,244,722	1,603,393,473,820	636,517,511,254
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		247,664,778,698	80,652,610,395	508,566,081,431	133,715,299,415
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		637,101,783,646	519,904,313,963	1,216,797,025,189	997,984,898,594
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04		308,829,157,329	106,858,680,207	617,020,006,554	242,893,597,696
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	4.1		97,233,484,650	46,595,336,077	195,547,389,355	92,251,008,153
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.2		211,595,672,679	60,263,344,130	421,472,617,199	150,642,589,543
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		945,930,940,975	626,762,994,170	1,833,817,031,743	1,240,878,496,290
6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)	11		654,018,780,070	288,089,286,315	1,147,700,993,582	640,319,579,429
- Tổng chi bồi thường	11.1		657,227,079,328	289,373,010,322	1,152,712,635,704	641,603,303,436
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý 100%)	11.2		(3,208,299,258)	1,283,724,007	(5,011,642,122)	1,283,724,007
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		368,728,273,771	136,483,941,340	753,560,160,747	291,255,659,823
8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		(145,986,225,388)	(64,025,303,517)	(164,296,286,579)	(169,775,084,024)
9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(75,250,129,964)	(67,042,055,735)	(151,788,568,272)	(157,690,284,356)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15		214,554,410,875	154,622,097,193	381,633,114,528	336,979,119,938
11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	16		7,537,331,155	5,398,261,379	14,292,205,892	10,164,196,316
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	22	621,381,551,384	381,858,173,082	1,239,368,848,935	763,002,382,837
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		81,626,213,664	48,834,788,962	147,829,507,413	88,782,212,903
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		539,755,337,720	333,023,384,120	1,091,539,341,522	674,220,169,934
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		843,473,293,414	541,878,531,654	1,635,294,169,355	1,110,145,699,091
14. LN (Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		102,457,647,561	84,884,462,516	198,522,862,388	130,732,797,199

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2026	Quý 2 năm 2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2026	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	23	68,579,387,832	41,915,655,749	127,712,264,578	84,141,856,409
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	24	4,075,329,536	14,751,684,310	19,327,577,690	17,809,877,883
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		64,504,058,296	27,163,971,439	108,384,686,888	66,331,978,526
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	151,118,855,109	91,472,409,407	280,073,188,494	165,404,137,206
19. LN (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		15,842,850,748	20,576,024,548	26,834,360,782	31,660,638,519
20. Thu nhập khác	31		361,295,157	470,069,758	578,270,328	665,686,457
21. Chi phí khác	32		6,337,114,019	654,380,631	6,429,181,534	730,992,416
22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(5,975,818,862)	(184,310,873)	(5,850,911,206)	(65,305,959)
23. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9,867,031,886	20,391,713,675	20,983,449,576	31,595,332,560
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	9,002,935,364	3,941,723,271	11,443,155,600	6,308,634,834
24. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		864,096,522	16,449,990,404	9,540,293,976	25,286,697,726


Nguyễn Thị Huyền Trang
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng

Nghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomín, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

MÃ SỐ B 03a-DNPNT

		Số liệu Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 2	
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1,670,272,008,279	925,986,013,307	3,179,101,225,126	1,700,979,141,939
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1,202,185,372,132)	(616,374,399,358)	(2,286,255,202,099)	(1,436,292,161,251)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(234,180,455,422)	(98,545,544,398)	(521,643,564,518)	(234,605,676,513)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3,070,465,755)	(2,492,228,647)	(4,797,813,699)	(4,605,144,722)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5,984,616,866)	-	(13,984,521,653)	(3,222,239,940)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	24,250,644,033	15,365,140,966	118,427,155,172	26,112,991,802
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(171,400,897,063)	(82,756,146,842)	(388,120,464,780)	(145,648,991,184)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	77,700,845,074	141,182,835,028	82,726,813,549	(97,282,079,869)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1,742,050,667)	(2,307,968,700)	(3,025,354,667)	(2,338,968,700)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1,680,780	275,905,051	1,682,160	282,235,051
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(674,529,610,481)	(248,000,000,000)	(1,557,233,686,206)	(804,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	562,088,134,674	198,000,000,000	1,302,462,155,518	784,000,000,000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	3,747,702,619	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23,930,031,120	11,618,839,805	65,358,336,999	46,465,824,274
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(90,251,814,574)	(40,413,223,844)	(188,689,163,577)	24,409,090,625
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
2. Tiền thu từ đi vay	33	200,000,000,000	200,000,000,000	200,000,000,000	200,000,000,000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(289,000,000,000)	(200,000,000,000)	(289,000,000,000)	(200,000,000,000)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(486,876)	-	(1,068,276)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(89,000,000,000)	(486,876)	(89,000,000,000)	(1,068,276)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(101,550,969,500)	100,769,124,308	(194,962,350,028)	(72,874,057,520)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	-	-	439,713,406,426	258,225,643,573
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	(6,639,550)	1,000,200,293	(6,639,550)	1,239,579,437
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)	70	244,744,416,848	101,769,324,601	244,744,416,848	186,591,165,490

Nguyễn Thị Huyền Trang
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2026

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởngNguyễn Xuân Thái
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC43/KDBH, từ ngày 06 tháng 05 năm 2025, Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (gọi tắt là “Công ty”). Vốn điều lệ của Công ty Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 1000 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Công ty Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 3,143 người (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 3,113 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 25, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội và một trăm linh năm (105) đơn vị trực thuộc, bao gồm 102 Chi nhánh và 3 Văn phòng đại diện.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỷ kế toán

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo****Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomín, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2009/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành. Cụ thể như sau:

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left| \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực} \\ \text{tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} \right| - \left| \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right| \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị này và Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Công đã trích lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomín, số 3 Đường Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2026
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính được thay thế bởi Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023, Công văn số 2846/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

từ năm tài chính 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

Dự phòng phí chưa được hưởng:

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Dự phòng phí gốc, nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Điểm 1, Điều 35 Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) dự phòng bồi thường được tính theo công thức được hướng dẫn tại tiết b, điểm 1 điều 36 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1461/BTC-QLBH ngày 05 tháng 02 năm 2024, áp dụng từ năm tài chính 2024.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 46/2023/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 07 năm 2023 và Thông tư số 67/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Báo cáo tình hình tài chính, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng bảo hiểm nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe

- *Dự phòng toán học (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm):* Từ năm 2023 Công ty không khai thác các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo phương pháp phí bảo hiểm thuần và cơ sở quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, tiết a, điểm 3.1 khoản 3 điều 18 thông tư 50/2017/TT-BTC và điểm 1 Khoản 1 Thông tư 01/2019/TT-BTC của Bộ tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 1917/BTC-QLBH ngày 28 tháng 2 năm 2022.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe khác: áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018.

- *Dự phòng phí chưa được hưởng (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống)*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) dự phòng bồi thường được tính theo công thức được hướng dẫn tại tiết b, điểm 1 điều 36 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1461/BTC-QLBH ngày 05 tháng 02 năm 2024, áp dụng từ năm tài chính 2024.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Ký quỹ bảo hiểm

Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 67/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm nếu có thỏa thuận thanh toán.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty.

Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Tiết c, Điểm 2, Điều 35 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm và một số khoản chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình quản lý hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomín, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm của hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn*

Áp dụng phân bổ theo tỷ lệ dự phòng toán học trên doanh thu phí bảo hiểm gốc.

- *Đối với các hợp đồng bảo hiểm khác có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Tiết c, Điểm 2, Điều 35 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomín, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	716,980,838	199,310,338
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	244,021,786,010	438,470,464,704
Tiền đang chuyển	5,650,000	1,043,631,384
Các khoản tương đương tiền (i)	-	-
	<u>244,744,416,848</u>	<u>439,713,406,426</u>

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2,634,134,932,269	(8,768,635,825)	1,908,680,163,821	(722,875,000)
a) Chứng khoán kinh doanh	79,230,550,075	(8,768,635,825)	25,417,972,021	(722,875,000)
- Tổng giá trị cổ phiếu	79,230,550,075	(8,768,635,825)	25,417,972,021	(722,875,000)
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2,554,904,382,194	-	1,883,262,191,800	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	2,554,904,382,194	-	1,883,262,191,800	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	969,700,586,438	-	1,201,490,729,237	-
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	967,710,586,438	-	1,199,500,729,237	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	764,600,000,000	-	980,000,000,000	-
- Trái phiếu	203,110,586,438	-	219,500,729,237	-
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1,990,000,000	-	1,990,000,000	-
- Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	1,990,000,000	-	1,990,000,000	-
b) Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-
- Đầu tư mua cổ phiếu	-	-	-	-

7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	325,059,688,285	314,122,360,470
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	303,312,920,741	281,909,785,586
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	21,746,767,544	32,212,574,884
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	26,572,111,429	19,979,898,778
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	228,712,627,650	155,138,909,462
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	8,579,585,918	9,905,901,916
e) Phải thu khác	10,366,039,860	2,781,773,457
	<u>599,290,053,142</u>	<u>501,928,844,083</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	38,359,899,321	38,359,899,321
Phải thu khác của khách hàng về hoạt động đầu tư cổ phiếu	-	-
Phải thu khác	127,112,603	136,065,104
	38,487,011,924	38,495,964,425

(i) Thể hiện gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản này (Thuyết minh số 10).

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	166,060,606,795	107,434,364,958
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	154,161,214	134,755,327
Tạm ứng	132,643,782,630	19,788,985,849
Lãi dự thu tiền gửi, trái phiếu	-	73,851,618,520
Phải thu ngắn hạn khác	33,262,662,951	13,659,005,262
b) Dài hạn	26,163,439,630	25,406,326,984
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	19,163,439,630	18,406,326,984
	192,224,046,425	132,840,691,942

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

10. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN

	30-06-26		31-12-25	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	48,493,527,797	43,127,685,776	45,132,596,780	42,183,097,638
- Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321
- Các đối tượng khác	10,133,628,476	4,767,786,455	6,772,697,459	3,823,198,317

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên và không có khả năng thu hồi	Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Phi bảo hiểm gốc	5,834,499,708	1,297,023,618	535,369,263	1,094,180,022	8,761,072,611
Phải thu tái bảo hiểm	176,403,913	637,468,192	15,644,671	103,789,207	933,305,984
Nợ khác	0	4,502,300	78,027,525	38,716,619,377	38,799,149,202
Cộng	6,010,903,621	1,938,994,110	629,041,459	39,914,588,606	48,493,527,797

Theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	173,603,908,544	135,359,445,321
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	31,051,657,913	20,678,375,867
	<u>204,655,566,457</u>	<u>156,037,821,188</u>
b) Dài hạn		
Chi phí hoa hồng và kinh doanh chờ phân bổ (i)	42,623,807,539	53,191,984,524
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	5,913,969,480	7,702,023,366
Chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng	7,531,892,372	8,957,442,474
Chi phí trả trước dài hạn khác	5,655,863,290	5,939,618,157
	<u>61,725,532,681</u>	<u>75,791,068,521</u>

12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	1,294,787,976,455	786,221,895,024
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	465,126,350,033	616,914,918,305
	<u>1,759,914,326,488</u>	<u>1,403,136,813,329</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	7,352,917,048	7,045,353,009	14,398,270,057
Mua sắm mới	43,000,000	1,512,628,149	1,555,628,149
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7,395,917,048	8,557,981,158	15,953,898,206
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	4,426,200,278	5,789,025,899	10,215,226,177
Trích khấu hao	232,188,300	368,855,603	601,043,903
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4,658,388,578	6,157,881,502	10,816,270,080
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	2,926,716,770	1,256,327,110	4,183,043,880
Tại ngày cuối kỳ	2,737,528,470	2,400,099,656	5,137,628,126

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	7,171,964,959	7,171,964,959
Tăng do mua sắm	-	-
Tăng khác	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	7,171,964,959	7,171,964,959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	6,039,968,239	6,039,968,239
Tăng do góp vốn	-	-
Trích khấu hao	470,188,280	470,188,280
Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	6,510,156,519	6,510,156,519
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	1,131,996,720	1,131,996,720
Tại ngày cuối kỳ	661,808,440	661,808,440

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
- Vay ngắn hạn	200,000,000,000	289,000,000,000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0
	200,000,000,000	289,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	661,067,479,484	432,768,699,549
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	84,557,303,231	11,263,178,544
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	15,487,019,681	16,607,131,614
d) Phải trả hoa hồng, môi giới và dịch vụ khai thác bảo hiểm	161,046,378,492	92,294,342,426
e) Phải trả nhận tái, khác	7,124,426,334	17,774,533,480
	929,282,607,222	570,707,885,613

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản phải nộp		
Thuế GTGT	44,702,564,176	64,945,819,918
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,458,538,733	7,858,766,944
Thuế thu nhập cá nhân	967,996,514	1,938,794,693
Thuế, phí phải nộp khác	164,984,024	258,720,930
	51,294,083,447	75,002,102,485

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	729,664,867	162,218,193
Phải trả kinh phí công đoàn	3,739,162,185	2,586,629,064
Phải trả các cổ đông	3,517,095,769	3,517,095,769
Phải trả khác	18,144,816,662	16,100,710,819
	26,130,739,483	22,366,653,845

19. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Đơn vị: VND		
Dự phòng bồi thường và dự phòng phí, dự phòng toán học chưa được hưởng	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
1. Dự phòng bồi thường	889,151,342,350	465,126,350,033	424,024,992,317
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	795,038,391,572	422,883,304,388	372,155,087,184
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	94,112,950,778	42,243,045,645	51,869,905,133
2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	2,930,768,412,444	1,294,787,976,455	1,635,980,435,989
Cộng	3,819,919,754,794	1,759,914,326,488	2,060,005,428,306

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Năm 2026		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	1,053,447,628,929	616,914,918,305	341,978,050,416
Số trích lập trong kỳ	(164,296,286,579)	(151,788,568,272)	(12,507,718,307)
Số dư cuối kỳ	889,151,342,350	465,126,350,033	424,024,992,317

2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	Năm 2026		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	2,198,618,231,805	786,221,895,024	1,412,396,336,781
Số trích lập trong kỳ	732,150,180,639	508,566,081,431	223,584,099,208
Số dư cuối kỳ	2,930,768,412,444	1,294,787,976,455	1,635,980,435,989

3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối

	Năm 2026	Năm 2025
Số dư đầu kỳ	107,639,372,889	114,132,279,543
Số trích lập thêm trong kỳ	14,244,265,592	27,507,093,346
Số sử dụng trong kỳ	-	(34,000,000,000)
Số dư cuối kỳ	121,883,638,481	107,639,372,889

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2025	1,000,000,000,000	15,916,598,041	92,155,990,942	1,108,072,588,983
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	32,898,652,621	32,898,652,621
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	1,644,932,631	(1,644,932,631)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	1,000,000,000,000	17,561,530,672	123,409,710,932	1,140,971,241,604
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2026	1,000,000,000,000	17,561,530,672	123,409,710,932	1,140,971,241,604
Lợi nhuận/(Loss) trong kỳ	-	-	9,540,293,976	9,540,293,976
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	477,014,699	(477,014,699)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2026	1,000,000,000,000	18,038,545,371	132,472,990,209	1,150,511,535,580

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2026	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	106,034,666,229	82,935,215,402
Lãi kinh doanh chứng khoán, trái phiếu	11,279,606,402	1,042,410,529
Lãi chênh lệch tỷ giá	10,250,616,947	164,229,521
Doanh thu hoạt động tài chính khác	147,375,000	957
	127,712,264,578	84,141,856,409

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2026	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025
	VND	VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	8,045,760,825	(994,336,502)
Lãi vay	5,693,658,904	4,583,725,545
Lỗ chênh lệch tỷ giá	104,286,587	4,071,963,950
Chiết khấu thanh toán	4,695,234,751	10,119,282,049
Chi phí hoạt động tài chính khác	788,636,623	29,242,841
	19,327,577,690	17,809,877,883

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2026	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	186,850,452,937	111,947,415,337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76,365,604,405	42,843,044,557
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	830,101,978	707,471,496
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,071,232,183	1,095,072,330
Chi phí dụng cụ văn phòng	5,632,773,417	5,501,657,198
Chi phí vật liệu quản lý	2,531,692,255	-
Thuế, phí và lệ phí	4,433,327,549	1,809,768,967
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	175,833,331	-
Chi phí quản lý khác	2,182,170,439	1,499,707,321
	280,073,188,494	165,404,137,206

24. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt vào ngày 20 tháng 07 năm 2026


Nguyễn Thị Huyền Trang
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng

 Nguyễn Xuân Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2026